TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-PT
Ngày: 15/02/2022
V/v:"Tranh chấp hợp đồng mua bán T sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn
Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha
Bà Nguyễn Diệu Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán T sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 129/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1955. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tiêu Tường T, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: Đường C, phường B, Thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 13/10/2021.

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Hắc H, sinh năm 1980. Có mặt

2. Bà Đinh Thị Thu H, sinh năm 1987. Có mặt

Cùng địa chỉ: ấp T, xã S, huyện N, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Mai Tấn T, sinh năm 1979. Vắng Hmặt

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện N, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Hắc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và người đại diện hợp pháp trình bày:

Do là chỗ quen biết vào năm 2018 ông L có hợp đồng với ông Nguyễn Hắc H bán vật tư nông nghiệp và lúa giống nhiều lần cho ông H, lúa giống ông H hợp đồng mua lại của ông về để bán lại cho người dân, khi ông H hợp đồng bán lúa giống được cho dân thì ông L sẽ cho người xuống giao lúa theo danh sách của ông H và từ tháng 10/2018 đến tháng 8/2019 ông H thiếu tiền vật tư và tiền lúa giống của ông L với số tiền thiếu là 620.730.000 đồng và nợ cũ là 6.000.000 đồng. Cũng trong thời gian này ông H có trả được số tiền là 219.860.000 đồng, đến ngày 19/8/2019 thì giữa ông L và ông H có chốt nợ lại với nhau, ông H có ký nhận nợ với ông L và thừa nhận còn nợ lại số tiền là 406.870.000 đồng. Trong đó nợ tiền vật tư nông nghiệp là 72.314.000 đồng và tiền mua lúa giống là 334.556.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết thì ông H có trả được cho ông L số tiền vật tư nông nghiệp còn thiếu gốc và lãi là 80.000.000 đồng.

Do đó, tại phiên tòa sơ thẩm ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hắc H cùng vợ là bà Đinh Thị Thu H phải liên đới trả cho ông L số tiền mua lúa giống còn thiếu là 334.556.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày chốt nợ là ngày 19/8/2019 đến ngày 19/5/2021 là 21 tháng với lãi suất yêu cầu 1%/tháng thành tiền 70.257.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 404.813.000 đồng.

Những lần làm việc trước đây tại Tòa án ông L yêu cầu ông H trả tiền lúa giống còn thiếu gốc là 332.500.000 đồng là do ông L cộng nhầm, số tiền gốc chính xác là 334.556.000 đồng theo như biên nhận nợ là đúng và trong các phiếu thu giao hàng và bảng đối chiếu nợ giữa ông L và ông H có ghi tên khách hàng: H + Chị M là do ông H có người chị tên là M, ông L ghi chữ M vào tờ phiếu giao hàng và đối chiếu nợ có chữ M là để ông L nhớ người ông H chứ bà M không có liên quan gì đến việc tranh chấp giữa ông L với ông H hiện nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông L xin rút một phần đơn khởi kiện đối với số tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu ông H nợ và ông H đã thanh toán cho ông L gốc và lãi số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 05/7/2020 nên ông L không yêu cầu nữa. Ngoài ra, ông L không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Hắc H trình bày: Vào năm 2019 ông có mua vật tư nông nghiệp của ông Nguyễn Văn L còn thiếu số tiền là 71.314.000 đồng đến ngày

05/7/2020 ông đã trả gốc và lãi là 80.000.000 đồng, nên không còn nợ tiền vật tư của ông L nữa.

Đối với tiền lúa giống: Vào năm 2018 ông có thỏa thuận với ông Nguyễn Văn L về việc ông làm cò lúa giống cho ông L và ông L trả cho ông mỗi kg là 500 đồng, ông là người trực tiếp xuống các hộ nông dân để thỏa thuận về giá, khi thỏa thuận được thì ông báo cho ông L để ông L xuống giao lúa giống cho các hộ dân và ông là người trực tiếp thu tiền của các hộ nông dân về giao cho ông L, nên khi các hộ dân không trả nợ thì ông không có trách nhiệm gì phải trả nợ cho ông L.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông thừa nhận các phiếu giao hàng của ông L cung cấp cho Tòa có chữ H đều là chữ ký của ông và tờ bản đối chiếu nợ phải thu 19/8/2019 có chữ ký và ghi họ tên Nguyễn Văn H đúng là chữ ký và chữ viết họ tên của ông, lý do ông ký vào các phiếu giao hàng và bản đối chiếu nợ phải thu của ông L đưa cho ông ký thì ông ký chứ không phải ký nhận nợ. Đồng thời ông thừa nhận trong các phiếu "giao hàng và bảng đối chiếu nợ phải thu" mà phía ông L cung cấp cho Tòa phiếu phải thu có ghi: H + chị M CS9 là do ông có người chị tên là M và việc ông L ghi có chữ M vào các tờ giấy này là để ông L dễ nhớ, chứ chị của ông tên M không có liên quan gì đến việc làm ăn giữa ông với ông L.

Ngoài ra ông thừa nhận việc ông làm ăn với ông L số tiền thu lợi được bao nhiêu ông đều mang về phục vụ cho gia đình ông. Nay ông L yêu cầu ông phải trả số tiền gốc và lãi còn thiếu 404.813.000 đồng là ông không đồng ý trả.

Bà Đinh Thị Thu H trình bày: Bà thống nhất quan điểm lời trình trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Hắc H, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc C trình bày :

Ông không có quan hệ họ hàng gì với ông L và ông H, vào năm 2018 giữa ông với ông H có giao dịch mua bán lúa giống với nhau, theo đó ông H là người cung cấp lúa giống cho ông, sau đó có ghe lúa của ông L xuống giao và có hỏi ông là người mua lúa giống của ông H đúng không, ông nói đúng thì phía ông L giao lúa, ông khẳng định giữa ông với ông L không có giao dịch mua bán gì với nhau và ông xác nhận chữ ký trong phiếu giao hàng ngày 31/10/2018 và ngày 25/10/2018 là chữ lý của ông, ông ký tên trên danh nghĩa là nhận hàng của ông H, chứ không phải của ông L, sau này giữa ông và ông H đã tất toán xong, ông là người trả tiền trực tiếp cho ông H, không còn liên quan gì, còn việc mua bán giữa ông H với ông L như thế nào ông không biết.

Ông Mai Tấn T trình bày: Giữa ông với ông H và ông L không có quan hệ họ hàng gì, vào năm 2018 ông với ông H có giao dịch mua bán lúa giống với nhau,

ông không có mua bán gì với ông L, đồng thời giữa ông với ông H đã tính toán với nhau xong. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Hắc H, bà Đinh Thị Thu H phải liên đới trả tiền mua bán lúa giống còn thiếu.

Buộc ông Nguyễn Hắc H và bà Đinh Thị Thu H phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền tổng cộng gốc và lãi là 404.813.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 334.556.000 đồng và lãi 71.314.000 đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông L đối với số tiền mua vật tự nông nghiệp là 71.314.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/6/2021 bị đơn ông Nguyễn Hắc H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông trả cho ông L số tiền 404.813.000 đồng là không thỏa đáng, vì ông L không đưa ra được chứng cứ chứng minh giữa ông và ông L mua bán với nhau. Ông chỉ làm trung gian mua bán giữa ông L và người nông dân mua lúa giống để hưởng tiền cò; Chữ ký của ông trong bảng đối chiếu nợ phải thu ngày 19/8/2019 mà ông L cung cấp ông chỉ ký để đối chiếu và ghi là xem lại trong 10 ngày chứ không ký xác nhận nợ với ông L. Ông T và ông C ký nhận nợ với ông L nhưng lại buộc ông trả nợ cho ông L. Ông L không cung cấp được danh sách các hộ dân mà ông L trực tiếp giao lúa giống nhưng Tòa chưa xem xét vấn đề này.

Yêu cầu xem xét, giải quyết lại vụ án cho thỏa đáng, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hắc H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tiêu Tường T đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hắc H, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N.

Căn cứ vào T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc C, ông Mai Tấn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 269 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xử.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hắc H cùng vợ là bà Đinh Thị Thu H phải liên đới trả cho ông L số L tiền mua lúa giống còn thiếu là 334.556.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày chốt nợ là ngày 19/8/2019 đến ngày 19/5/2021 là 21 tháng với lãi suất yêu cầu 1%/tháng thành tiền 70.257.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 404.813.000 đồng. Bị đơn ông H, bà H không đồng ý trả số tiền 404.813.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông L, lý do ông H chỉ làm trung gian mua bán giữa ông L và người nông dân để hưởng tiền chênh lệch chứ ông không nợ tiền mua lúa giống của ông L.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hắc H yêu cầu bác toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn, lý do nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh giữa nguyên đơn và bị đơn có việc mua bán với nhau, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 8/2019 ông Nguyễn Văn L có hợp đồng bán vật tư nông nghiệp và lúa giống cho ông Nguyễn Hắc H nhiều lần, tính đến ngày 19/8/2019 thì ông H còn nợ ông L số tiền là 406.870.000 đồng. Trong đó nợ tiền vật tư nông nghiệp là 72.314.000 đồng và tiền mua lúa giống là 334.556.000 đồng. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết thì ông H có trả được cho ông L số tiền vật tư nông nghiệp còn thiếu gốc và lãi là 80.000.000 đồng.

Xét thấy, tại cấp sơ thẩm nguyên đơn ông L có cung cấp cho Tòa án bản gốc của các phiếu giao hàng có thể hiện cụ thể tên mặt hàng lúa G ĐS1 Lộc trời cũng như số lượng, đơn giá, thành tiền gồm các phiếu giao hàng ngày 06/10/2018, ngày 20/10/2018 có chữ ký của người nhận hàng là ông H. Đồng thời phía nguyên đơn còn cung cấp thêm Bảng đối chiếu nợ pH thu ngày 19/8/2019 thể hiện tổng số tiền ông H còn nợ là 406.870.000 đồng, có chữ ký ghi họ tên "Nguyễn Văn H" và ghi thêm nội dung "xem lại trong 10 ngày". Bản thân ông H cũng thừa nhận chữ ký trong các phiếu giao hàng cũng như chữ ký trong Bảng đối chiếu nợ phải thu ngày 19/8/2019 là do ông H ký, từ đó cho thấy có việc giao dịch mua bán lúa giống giữa

ông H và ông L. Do đó việc ông H cho rằng ông L khởi kiện ông nhưng không có chứng cứ là chưa phù hợp, đồng thời ông H cho rằng việc ông ký vào Bảng đối chiếu nợ phải thu ngày 19/8/2019 là để xem lại chứ không phải xác nhận nợ với ông L là không đủ cơ sở vì kể từ ngày ký vào Bảng đối chiếu công nợ thì ông H cũng chưa có ý kiến gì về số nợ nêu trên. Điều đó thể hiện ông H mặc nhiên đã thừa nhận số nợ còn thiếu lại ông L như nội dung đối chiếu công nợ ngày 19/8/2019.

Xét lời trình bày của ông H cho rằng ông C, ông T là người ký nhận nợ với ông L nhưng lại buộc ông trả nợ cho ông L là không thỏa đáng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù ông C và ông T có ký tên nhận hàng tại các phiếu giao hàng ngày 15/10/2018, ngày 25/10/2018 và 31/10/2018, tuy nhiên lời trình bày của ông T, ông C đều xác định giữa ông L và ông T, ông C không có giao dịch mua bán gì với nhau mà ông T, ông C chỉ giao dịch mua bán lúa giống với ông H. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai của ông H ngày 28/9/2020 thì ông H cũng xác định ông C và ông T là khách hàng của ông, ông trao đổi với ông C và ông T đồng ý mua lúa giống thì ông cho ông L hay để ông L giao lúa cho ông C, ông T, do ông C, ông T là người trực tiếp nhận lúa giống nên ông L bắt họ ký vào phiếu giao hàng, các khoản nợ của nông dân thì ông H chịu trách nhiệm đi thu, ông C thì ông H đã thu xong và đã thanh toán cho ông L, còn ông T còn nợ khoảng hơn 10.000.000 đồng chưa thanh toán. Như vậy đã thể hiện rõ việc ông H là người trực tiếp mua lúa giống của ông L chứ không phải như lời ông H khai chỉ là cò cho ông L để được hưởng chênh lệch 500 đồng/kg.

Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015 thì: "Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng". Do đó ông L khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua lúa giống còn thiếu là 334.556.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày chốt nợ là ngày 19/8/2019 đến ngày 19/5/2021 là 21 tháng với lãi suất yêu cầu 1%/tháng thành tiền 70.257.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 404.813.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên không có đủ cơ sở để xem xét chấp nhận kháng cáo của ông H.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo thuận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hắc H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kiên Giang.

[4]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hắc H và bà Đinh Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.192.500 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.113.000 đồng theo biên lai thu số 0009443 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu của cơ quan thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hắc H.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kiên Giang.

Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Hắc H, bà Đinh Thị Thu H phải liên đới trả tiền mua bán lúa giống còn thiếu.

- Buộc ông Nguyễn Hắc H và bà Đinh Thị Thu H phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền tổng cộng gốc và lãi là 404.813.000 đồng (Bốn trăm lẻ bốn triệu, tám trăm mười ba nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 334.556.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng) và tiền lãi 71.314.000 đồng (Bảy mươi mốt triệu, ba trăm mười bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền chưa thi hành án hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với số tiền mua vật tự nông nghiệp là 71.314.000 đồng (Bảy mươi mốt triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng) tiền gốc và lãi phát sinh.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hắc H và bà Đinh Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.192.500 đồng (Hai mươi triệu, một trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.113.000 đồng (Mười một triệu, một trăm mười ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009443 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hắc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003191 ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kiên Giang.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện N;
- THA huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Tấn